

Số: 20/2021/QĐST-DS

Cái Bè, ngày 09 tháng 4 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 649, Điều 660 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 382/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên số tiền án phí các đương sự phải chịu như sau.

Số tiền án phí bà Trần Thị H tự nguyện chịu 130.000.000 đồng x 2,5% = 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền án phí ông Trần Văn H tự nguyện chịu: Giá trị đất 80.000 đồng/m² x 785,60m² x 2,5% = 1.571.200 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một ngàn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền án phí ông Trần Văn N tự nguyện chịu: [(Giá trị đất 80.000 đồng/m² x 785,60m²) + (giá trị đất 40.000 đồng/m² x 4.293,3m²) + (giá trị đất 50.000 đồng/m² x 3.409,3m²)] = 10.100.900 đồng (Mười triệu một trăm ngàn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh **Lâm Văn Bé B**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 165 Phan Phước Phan, khu phố 8, Phường B, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1948.

2/ Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang.

Cùng ủy quyền cho: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 165 Phan Phước Phan, khu phố 8, Phường B, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Trần Văn H, anh Lâm Văn Bé B đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn D đại diện ủy quyền bị đơn ông Trần Văn N, anh Nguyễn Văn D đại diện ủy quyền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M, bà Trần Thị N thống nhất thỏa thuận như sau:

- Chia cho ông Trần Văn N các phần đất cụ thể như sau:

+ Phần đất diện tích theo đo đạc thực tế ngày 03/11/2020 của công ty TNHH đo đạc Đông Hải có ký hiệu trong sơ đồ T1 + T2 = 785,60m² trong thửa số 2063, tờ bản đồ MDTC4, diện tích 2042m² do UBND huyện C cấp ngày 15/6/2000 cho cụ Trần Văn S đại diện đứng tên có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp Nguyễn Văn Thanh 12,64m.

Hướng Tây giáp đường bê tông 11,87m.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông Trần Văn Hòa 66,09m.

Hướng Bắc giáp Bùi Quốc Thanh 63,15m.

+ Phần đất diện tích theo đo đạc thực tế ngày 03/11/2020 của công ty TNHH đo đạc Đông Hải 3.409,3m² thửa số 471, tờ bản đồ MDTC3, diện tích 3592,0m² do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 15/6/2000 cho cụ Trần Văn S đại diện đứng tên có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp Ngô Văn Hồng 71,05m.

Hướng Tây giáp Lê Văn Dân 25,26m + 24,16m + 23,41m = 72,83m.

Hướng Nam giáp Lê Thanh Lập 46,37m.

Hướng Bắc giáp Trần Văn Nhị 47,74m.

+ Phần đất diện tích theo đo đạc thực tế ngày 03/11/2020 của công ty TNHH đo đạc Đông Hải 4293,3m² thửa số 341, tờ bản đồ MDTC3, diện tích 4315m² do UBND huyện Cái Bè cấp ngày 15/6/2000 cho cụ Trần Văn S đại diện đứng tên có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp Ngô Văn Hồng 84,55m.

Hướng Tây giáp Võ Văn Tề 26,84m + 56,46m = 83,30m.

Hướng Nam giáp kênh tập đoàn $5,02\text{m} + 10,71\text{m} + 4,41\text{m} + 30,53\text{m} = 50.67\text{m}$.

Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Nhị $51,30\text{m}$.

- Chia cho ông Trần Văn H phần đất diện tích theo đo đạc thực tế ngày 03/11/2020 của công ty TNHH đo đạc Đông Hải có ký hiệu trong sơ đồ T3 + T4 = $785,60\text{m}^2$ trong thửa số 2063, tờ bản đồ MDT4, diện tích 2042m^2 do UBND huyện C cấp ngày 15/6/2000 cho cụ Trần Văn S đại diện đứng tên có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp Nguyễn Văn Thanh $12,94\text{m}$.

Hướng Tây giáp đường bê tông $10,36\text{m}$.

Hướng Nam giáp Lê Thị Chiêm $64,68\text{m}$

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông Trần Văn Nhị $66,09\text{m}$.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 03/11/2020 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải kèm theo)

- Ông Trần Văn N chia lại phần thừa kế cho bà Trần Thị H với số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và ông N hoàn trả chi phí tố tụng đo đạc cho bà H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), tổng cộng 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng) giao tiền một lần vào ngày 09/4/2021.

- Ông Trần Văn H hoàn trả chi phí tố tụng đo đạc cho bà Trần Thị H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), giao tiền một lần vào ngày 09/4/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Văn N giao đủ số tiền 133.000.000 đồng cho bà H, ông H giao đủ số tiền 3.000.000 đồng cho bà H thì ông N, ông H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004201 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện C, nên bà H còn phải nộp tiếp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn H phải chịu 1.571.200 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một ngàn hai trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004200 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện C, nên hoàn lại cho ông H 928.800 đồng (Chín trăm hai mươi tám ngàn tám trăm đồng) tiền

án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N phải chịu 10.100.900 đồng (Mười triệu một trăm ngàn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Văn Khỏe